VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2023 ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 1099 + 1100)

Phụ lục I

DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
398	Cyromazine 25% + Monosultap 50%	Hotosin 75WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP SX và TM Công nghệ Châu Âu
399	Cyromazine 50% + Thiamethoxam 10%	Ω-Tiro 60WG	sâu xanh da láng/đậu tương, rệp sáp/cà phê, bọ phấn/sắn	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
400	D-limonene (Orange oil) (min 94.5%)	Prev-AM™ 5.4ME	rệp sáp/bưởi; bọ trĩ, nhện đỏ/cà chua	Oro Agri International B.V.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
401	Dầu botanic + muối kali	Thuốc sâu sinh học Thiên Nông 1SL	sâu tơ/bắp cải, rau cải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
402	Dầu hạt bông 40% + dầu đinh hương 20% + dầu tỏi 10%	GC-Mite 70SL	rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/hoa hồng, bưởi; rệp/khoai tây; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, rầy xanh/chè	Công ty TNHH Ngân Anh
403	Deltamethrin (min 98%)	Appendelta 2.8EC	sâu phao/lúa, rệp sáp giả/cà phê, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Daphacis 25EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty TNHH KD HC Việt Bình Phát
		Decis 2.5EC, 250WG	**2.5EC:** sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh, rệp/thuốc lá; sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô, rệp muội/lạc, sâu xanh/đậu tương, bọ xít dài/lúa, sâu ăn lá/điều, mọt đục quả/cà phê; rệp muội/ngô **250WG:** sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Dersi-s 2.5EC	bọ trĩ, bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Delta 2.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Deltaguard 2.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu xanh da láng/lạc; bọ xít muỗi/điều; sâu đục quả/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Discid 25EC	sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Meta 2.5EC	sâu keo, sâu phao, nhện gié/lúa; sâu đục quả, rệp/đậu xanh; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM T ân Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Shieldmate 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Supercis 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toxcis 2.5EC, 2.5SC	**2.5EC:** sâu đục bông/đậu xanh, bọ xít/lúa **2.5SC:** sâu xanh da láng/đậu tương, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Videci 2.5EC	sâu phao, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Wofacis 25EC	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
404	Deltamethrin 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Ebato 160SC	sâu cuốn lá, nhện gié, sân năn/lúa; sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP ENASA Việt Nam
405	Deltamethrin 50g/l + Piperonyl Butoxide (min 90%) 250g/l	Chín sâu 300EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
406	Deltamethrin 100g/l + Thiacloprid 147g/l	Fuze 24.7SC	rệp muội/cà phê, đậu tương; sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, rầy nâu/lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
407	Diafenthiuron (min 97%)	Apensus 500SC	nhện lông nhung/vải	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Asiangold 500SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
		BrahMos 500SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH B.Helmer
		Diasuper 300SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Define 500SC	sâu tơ/bắp cải, nhện lông nhung/nhãn	Sundat (S) PTe Ltd
		Detect 50WP, 500SC	**50WP:** nhện đỏ/cam, chè **500SC:** nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nicotex
		Fenuron gold 500SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP S New Rice
		Fier 500WP, 500SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Kyodo 25SC, 50WP	**25SC:** Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa **50WP:** Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Morris 500SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Pegasus® 500SC	sâu tơ, sâu xanh, sâu ăn lá/súp lơ, bắp cải; sâu xanh, sâu ăn lá/cà chua, dưa chuột; sâu đục quả, sâu ăn lá/bông vải; bọ phấn, rệp, nhện/cây cảnh; nhện lông nhung/vải, nhãn	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Pesieu 500WP, 500SC	**500WP:** sâu tơ/bắp cải **500SC:** sâu xanh da láng/lạc; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ nhảy, sâu tơ/cải thảo, rau cải, su hào; bọ trĩ, rầy xanh, nhện đỏ, sâu đục quả/cà tím, cà pháo; bọ trĩ/bí xanh; sâu baba, sâu khoang/rau muống; sâu đục quả/đậu đũa, đậu côve, ớt; sâu khoang/rau dền; sâu tơ/súp lơ; sâu xanh da láng/hành; sâu khoang/mồng tơi	Công ty TNHH Việt Thắng
		Redmine 500SC	nhện lông nhung/vải	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sam spider 500WP	nhện đỏ/nho	Công ty CP SAM
		Tuxedo 500SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
408	Diafenthiuron 42.3% (432g/l) + Emamectin benzoate 1.4% (14g/l)	Dimafen 43.7SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Manly 437SC	nhện đỏ/chè	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Spiderworm 43.7SC	sâu xanh da láng/khoai lang	Công ty TNHH TAT Hà Nội
409	Diafenthiuron 250g/l + Emamectin benzoate 30g/l	Difeben 280SC	sâu keo mùa thu/ngô, nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH MTV Lucky
410	Diafenthiuron 35% + Indoxacarb 7%	Difeggo 42SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ xanh Bắc Giang
411	Diafenthiuron 500 g/kg + Indoxacarb 50 g/kg	Vangiakhen 550SC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
412	Diafenthiuron 300g/l + Metaflumizone 200g/l	Trust TD 01 500SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
413	Diafenthiuron 200g/kg + Propargite 350g/kg	Supermite 550WP	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
414	Diflubenzuron (min 97%)	Akizuron 250WP	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
415	Diflubenzuron 430g/kg + Nitenpyram 350g/kg	Goodcheck 780WP	rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH An Nông
416	Diflubenzuron 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Sieucheck 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
417	Diflubenzuron 150g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Tetramethrin (min 92%) 150g/kg	Superram 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
418	Diflubenzuron 125g/kg + Pymetrozine 500g/kg	TT-gep 625WG	rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM Tân Thành
419	Dimethoate (min 95%)	Arriphos 40EC	bọ xít/lúa; sâu khoang/lạc; sâu đục thân/ngô; bọ trĩ/bông vải	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
		Bai 58 40EC	bọ xít hôi/lúa, sâu đục quả/cà phê	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Binh-58 40EC	bọ trĩ, bọ xít, rầy xanh/lúa; rệp/đậu xanh, thuốc lá; rệp sáp/cà phê; rệp bông xơ/mía	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bini 58 40EC	rệp/mía, cà phê	Công ty CP Nicotex
		Bitox 40EC	bọ xít/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		By 90 40EC	bọ xít/lúa	Công ty TNHH ADC
		Cova 40EC	rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Dibathoate 40EC	rầy/lúa, nhện/cà phê, dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dimecide 40EC	bọ xít/lúa	Công ty TNHH Agrimatco Việt Nam
		Dimenat 20EC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fezmet 40EC	sâu ăn lá/hoa hồng	ZagroGRoup, Zagro Singapore Pvt Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Forgon 40EC	sâu cuốn lá/lúa	Forward International Ltd
		Nugor 10GR, 40EC	**10GR:** rệp sáp giả/rễ cà phê, rễ hồ tiêu; sâu đục thân/ngô, lúa; bọ hung/mía; bọ hà/khoai lang **40EC:** sâu ăn lá/lạc; sâu đục thân/điều; bọ xít, sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Pyxoate 44EC	rầy/ngô	Longfat Global Co., Ltd.
		Thần châu 58 40EC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Tigithion 40EC	rệp sáp/cà phê, bọ xít/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Watox 400EC	bọ trĩ, bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
420	Dimethoate 15% + Etofenprox 5%	Difentox 20EC	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
421	Dimethoate 3% + Fenobucarb 2%	BB-Tigi 5GR	rầy nâu/lúa, dế dũi/ngô	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Caradan 5GR	bọ trĩ/lúa, sâu đục thân/mía, ấu trùng ve sầu/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Palm 5GR	sâu đục thân/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Vibam 5GR	sâu đục thân/lúa, ngô	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
422	Dimethoate 20% + Fenobucarb 20%	Mofitox 40EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
423	Dimethoate 400g/l + Fenobucarb 100g/l	Bisector 500EC	rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít hôi/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
424	Dimethoate 20% + Fenvalerate 10%	Bifentox 30EC	bọ xít/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
425	Dimethoate 21.5% + Fenvalerate 3.5%	Fenbis 25EC	rệp/đậu tương, bọ xít/lúa, bọ trĩ/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Fentox 25EC	bọ xít dài, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP TST Cần Thơ
426	Dimethoate 2% + Isoprocarb 3%	BM-Tigi 5GR	rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
427	Dimethoate 286g/l + Lambda-cyhalothrin 14g/l	Fitex 300EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê, rệp muội/mía	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
428	Dimethoate 20% + Phenthoate 20%	Vidifen 40EC	rệp sáp/cà phê, sâu xanh da láng/lạc, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
429	Dinotefuran (min 89%)	Asinjapane 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Carasso 400WP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Chat 20WP	rầy nâu/lúa, bọ nhảy/bắp cải, rầy bông/xoài, rầy chổng cánh/cam, bọ phấn/cà chua, dòi đục lá/dưa chuột	Công ty CP SX TM Bio Vina
		Cheer 20WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Lion Agrevo
		Cyo super 200WP	rầy nâu/lúa, rệp muội/dưa chuột, rầy xanh/chè	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Diny 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dovasin 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Hakiray 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Hitoshi 125ME, 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ikuzu 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Janeiro 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Newoshineu 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oshin 1GR, 20WP, 20SG, 100SL	**1GR:** rầy xanh/đậu bắp, bọ phấn/cà chua **20WP:** rầy nâu/lúa, rầy/xoài, dòi đục lá/dưa chuột, rầy chổng cánh/cam, bọ phấn/cà chua, bọ nhảy/bắp cải, bọ trĩ/dưa hấu, rệp sáp/cà phê **20SG:** bọ phấn/cà chua, bọ nhảy/cải xanh, rầy xanh/đậu bắp **100SL:** rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/chè; bọ trĩ/hoa cúc; bọ phấn/hoa hồng; rầy nâu/lúa	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
		Overcin 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Phesoldest 50SG	rầy lưng trắng/ngô	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Raves 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Delta Cropcare

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Regunta 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
		Sara.dx 40WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Safrice 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Santaone 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sida 20WP	rầy nâu, bọ trĩ, bọ xít dài, nhện gié/lúa; rầy chổng cánh/cam; rệp vảy/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Toof 25WP, 150SL	**25WP:** rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa **150SL:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tosifen 20WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		Yoshito 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
430	Dinotefuran 150g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Dorema 200EC	dòi đục lá/đậu tương	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
431	Dinotefuran 200g/kg + Etofenprox 150g/kg	Tenchu pro 350WP	rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè, bọ nhảy sọc cong/rau cải xanh, bọ phấn trắng/sắn	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
432	Dinotefuran 0.1g/kg (10g/kg), (10g/l) + Imidacloprid 110.9g/kg (150g/kg), (250g/l)	Dichest 111WP, 160WG, 260SC	rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Vagritex

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
433	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Brimgold 200WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Explorer 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
434	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 50g/kg	Anocis 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
435	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Daran - HB 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
436	Dinotefuran 50g/kg + Imidacloprid 200g/kg	Prochess 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
437	Dinotefuran 150g/kg + Imidacloprid 150g/kg	Ohgold 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
438	Dinotefuran 180g/kg + Imidacloprid 120 g/kg	Toshinusa 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
439	Dinotefuran 100g/kg + Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Bombigold 500WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
440	Dinotefuran 200g/kg + Isoprocarb 200g/kg	Arc-clar 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		TD-Chexx 400WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
441	Dinotefuran 150g/kg + Lambda-cyhalothrin 20g/kg + Thiamethoxam 55g/kg	Onzinsuper 225WP	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
442	Dinotefuran 100g/l + Novaluron 100g/l	Heygold 200SE	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
443	Dinotefuran 85g/l + Profenofos 480g/l	TVG20 565EC	rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
444	Dinotefuran 150g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Nozzaplus 450WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
445	Dinotefuran 90g/kg + Pymetrozine 610g/kg	Chetsduc 700WG	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
446	Dinotefuran 250g/kg + Pymetrozine 450g/kg	Metrousa 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
447	Dinotefuran 20% (200g/kg) + Pymetrozine 40% (400g/kg)	Chessin 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Medino 60WG	rầy chổng cánh/phật thủ, rệp muội/đậu tương, bọ phấn/sắn	Công ty CP Global Farm
448	Dinotefuran 10% + Pymetrozine 40%	Oppo 50WG	rệp muội/hoa hồng	Công ty CP SX và TM Hà Thái
		Opal 50WG	rệp muội/ngô	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
449	Dinotefuran 100g/l (10%) + Spirotetramat 100g/l (10%)	Lisara 200SC	rệp sáp/hồ tiêu	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Shipment 20SC	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
450	Dinotefuran 200g/kg + Tebufenozide 50g/kg	Mishin gold 250WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
451	Dinotefuran 200 g/kg + Thiamethoxam 42g/kg	Centerosin 242WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
452	Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90% + Avermectin B1b 10%) (min 70%)	AC-max 100EC, 300WG	**100EC:** sâu xanh da láng/cải bắp **300WG:** sâu xanh da láng/cải bắp, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Acplant 1.9EC, 4TB, 20WG	**1.9EC:** rầy nâu, sâu phao đục bẹ/lúa; bọ trĩ/dưa hấu, sâu vẽ bùa/cam **4TB:** sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương **20WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Actimax 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; sâu đục quả/nhãn; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa hấu; bọ trĩ, sâu xanh/thuốc lá, nho; bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Agtemex 38EC, 4.5WG, 5WP	sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/đậu tương, cà chua; sâu vẽ bùa, rệp sáp/cam; rệp sáp/cà phê, điều, vải; sâu xanh/bắp cải	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Angun 5WG, 5ME	**5WG:** sâu cuốn lá, sâu phao, sâu phao đục bẹ, sâu đục thân, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng, sâu khoang, bọ nhảy/bắp cải; sâu	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			đục quả/đậu tương; sâu ăn bông, bọ trĩ/xoài; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/nho; nhện đỏ/chè; bọ xít muỗi, sâu đục cành, bọ trĩ/điều, sâu keo mùa thu/ngô **5ME:** sâu vẽ bùa/cây có múi, sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	
		Ansuco 120EC, 260WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Apache 4EC, 10WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Bafurit 5WG	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; sâu đục quả/đậu tương; sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu xanh da láng/nho, bông vải; bọ xít/vải; rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Nông Sinh
		Bemab 3.8EC, 52WG	**3.8EC:** bọ trĩ/dưa chuột; sâu tơ/bắp cải; sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **52WG:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; bọ trĩ/dưa chuột; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM DV Ánh Dương
		Binged 50WG	sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Billaden 50EC, 50WG	nhện đỏ/cam, sâu xanh/bắp cải	Công ty CP NN Thanh Xuân

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Boema 50EC, 50WG	**50EC:** sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam **50WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP SAM
		Browco 50WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Thành
		Calisuper 5.5WP, 41ME, 52WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
		Chim ưng 3.8EC, 20WG	sâu cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ/cam	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
		Comda gold 5WG	dòi đục lá/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè; nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Compatt 55.5WG	rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Lan Anh
		Creek 2.1EC, 51WG	**2.1EC:** sâu cuốn lá/lúa **51WG:** sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Danobull 50WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy bông/xoài; sâu đục ngọn/điều; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Agriking
		Đầu trâu Bi-sad 30EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Doabin 3.8EC	sâu đục quả/đậu tương; nhện đỏ/cam; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Dofaben 22EC, 150WG	**22EC:** sâu cuốn lá/lúa **150WG:** nhện đỏ/cam, bọ trĩ/nho, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Dollar 50WG, 90EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc Tế APC Việt Nam
		DT Ema 40EC	nhện gié/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu ăn bông/xoài, nhện đỏ/chè, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/nho	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Dylan 2EC, 10WG	**2EC:** sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh da láng/hành; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam, quýt; nhện lông nhung, sâu đục quả/nhãn, vải; sâu xanh/đậu xanh; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa **10WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, bọ cánh tơ/chè, sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Eagle 20EC, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Ebama 5.5WG, 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Ebenzoate 5WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Ema king 40EC, 100WG	**40EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cam **100WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Emaaici 120WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Emaben 2.0EC, 3.6WG, 60SG	**2.0EC, 3.6WG:** sâu đục bẹ, nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ/lúa; bọ xít muỗi, rầy xanh, bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ xít, sâu đục quả/vải; rầy bông/xoài; sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/đậu tương **60SG:** dòi đục lá/cà chua; rầy bông/xoài; sâu đục quả/vải; bọ trĩ, rầy xanh/chè, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Emacao-TP 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Nông nghiệp Long An
		Emagold 6.5EC, 6.5WG	**6.5EC:** sâu khoang/lạc **6.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Emaha 5SG	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Nông nghiệp Hà Anh
		Emaplant 3.8EC, 5WG	**3.8EC:** nhện gié/lúa, sâu đục quả/đậu tương, rệp sáp/cà phê **5WG:** sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty CP Thanh Điền
		Ematin 60EC	sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Emathai 4EC, 10WG	**4EC:** nhện đỏ/cam, bọ trĩ/xoài, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu **10WG:** Bọ trĩ/dưa hấu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Emathion 55EC, 100WG	**55EC:** bọ trĩ/dưa hấu, sâu cuốn lá/lúa **100WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Emasuper 1.9EC, 5WG	**1.9EC:** rầy xanh, bọ cánh tơ/chè **1.9EC, 5WG:** bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; rệp muội/đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông/xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Ematigi 3.8EC	sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Emtin 38EC, 100WG	**38EC:** sâu cuốn lá/lúa **100WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Emavua 36EC, 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Emaxtin 3.8EC, 55.5WG	**3.8EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; nhện đỏ/cam **55.5WG:** Nhện đỏ/cam; sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa; rầy xanh/chè	Công ty TNHH US.Chemical
		EMETINannong 1.9EC, 108WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, quýt; sâu xanh/cà chua **108WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Etimex 2.6EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ/rau cải, bắp cải; ruồi hại lá/cải bó xôi; sâu xanh da láng/cà chua; sâu khoang, sâu xanh/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ, nhện đỏ/nho; nhện đỏ/nhãn; bọ xít muỗi/chè, điều; rệp sáp, nhện đỏ/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Fastish 116WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư và PT TM QT Thăng Long
		Feroly 20SL, 35.5EC, 125WG	**20SL:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; nhện lông nhung/vải **35.5EC:** sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá/lúa **125WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Kỹ thuật công nghệ Klever
		Focal 5.5EC, 80WG	**5.5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **80WG:** sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn, bọ trĩ/lúa; nhện đỏ/chè, rệp sáp/cà phê, sâu đục quả/đậu tương, bọ xít muỗi/điều; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Foton 5.0ME	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
		G8-Thôn Trang 4EC, 96WG	**4EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè **96WG:** nhện đỏ/chè, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Go.good One 5WG	sâu phao đục bẹ/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Ngân Anh
		Goldemec 5.7EC, 5.55WG	**5.7EC:** sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu phao đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; nhện đỏ/cam, quýt **5.55WG:** nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp muội/hồ tiêu, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Golnitor 20EC, 50WG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Haeuro 125WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Hagucide 40EC, 70WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Hamatin 5SG	sâu khoang/lạc	Công ty CP TM Hải Ánh
		Hoatox 2ME	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/su hào; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu cô ve; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; nhện đỏ, bọ trĩ/chè; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Homectin 40EC, 50WG	**40EC:** sâu khoang/lạc; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều **50WG:** sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/dưa hấu, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty CP Hóc Môn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Jiametin 1.9EC	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		July 5EC, 5WG	sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/cải xanh, bắp cải; rệp sáp/cà phê; rệp sáp, rầy chổng cánh, nhện đỏ/vải, nhãn, cam, xoài; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh, rệp/đậu xanh, đậu tương; sâu xanh, rầy/bông vải, thuốc lá	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Kajio 1GR, 5EC, 5WG	**1GR:** bọ hà/khoai lang, tuyến trùng/hồ tiêu, bọ hung/mía, sâu đục thân/lúa **5EC:** sâu xanh/bắp cải, sâu phao đục bẹ/lúa **5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Khủng 100WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Kinomec 3.8EC	bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Vicowin
		Lion kinh 50WG, 50EC	**50WG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **50EC:** sâu khoang/lạc	Công ty CP VT Nông nghiệp Thái Bình Dương
		Mãng xà 1.9EC	sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/dưa hấu	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Makegreen 55WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Map Winner 5WG	sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông/xoài; bọ xít muỗi/chè; sâu	Map Pacific Pte Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			khoang/cải xanh; sâu đục quả/cà chua, nhện đỏ/hoa hồng; rệp/chanh leo; bọ trĩ, rệp/ớt; rầy xanh, sâu xanh, bọ trĩ/bí ngô	
		Matrix 1.9EC, 5WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Mekomectin 3.8EC, 135WG	**3.8EC:** sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/cam **135WG:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông
		Mikmire 2.0EC, 14.5WG	**2.0EC:** bọ xít, sâu đục quả/vải; rầy bông/xoài; rầy nâu, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; rệp, sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh/cà chua **14.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
		Moousa 50EC, 60WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
		Nazomi 2.0EC, 5WG	**2.0EC:** sâu vẽ bùa/cam, sâu cuốn lá/lúa, rệp muội/đậu xanh **5WG:** sâu vẽ bùa/cam, sâu cuốn lá/lúa, rệp cờ/ngô	Công ty TNHH Kiên Nam
		Newgreen 2.0EC	sâu đục bẹ, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu tơ/bắp cải; nhện đỏ/cam, sâu xanh/cải thảo	Công ty TNHH - TM Thái Phong

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Newmectin 2.0EC, 5WP, 41ME, 126WG	**2.0EC:** rầy nâu/lúa **5WP:** bọ cánh tơ/chè **41ME, 126WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		New Tapky 10EC	sâu cuốn lá, nhện gié, sâu năn/lúa/lúa	Công ty CP SX TM DV Tam Lập Thành
		Oman 2EC	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/su hào; bọ trĩ/chè; nhện đỏ/cam; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu côve; bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Proclaim® 1.9EC, 5WG	**1.9EC:** sâu tơ/bắp cải; sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa; nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu đục cuống quả/xoài; sâu đục quả/bông vải; sâu khoang, sâu xanh, sâu gai sừng ăn lá/thuốc lá; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu xanh da láng, sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; sâu xanh da láng, sâu tơ, rệp muội/súp lơ; sâu đục thân/ngô; nhện lông nhung/nhãn. **5WG:** sâu keo mùa thu/ngô, sâu xanh bướm trắng/cải bắp, sâu đục cuống quả/vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Phesolbenzoate 3.8EC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cà chua	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Prodife's 5.8EC, 8WG	**5.8EC:** rầy bông/xoài, sâu cuốn lá/lúa, nhện lông nhung/nhãn **8WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Promectin 5.0EC, 100WG	**5.0EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/lạc; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/nho; rệp bông/xoài **100WG:** sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/xoài, sâu xanh da láng/đậu tương, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông Việt
		Quiluxny 72EC, 6.0WG, 99.9SC	**72EC:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa **6.0WG:** sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/lạc; nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam **99.9SC:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; dòi đục lá/cà chua, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Ratoin 5WG	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy xanh/chè; sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Remy 65EC, 100WG	sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
		Rholam 20EC, 50WP, 68WG	**20EC:** sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ trĩ/dưa hấu; bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; dòi đục lá/cà chua; nhện lông nhung/vải; sâu đục quả/xoài **50WP:** sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/súp lơ; nhện đỏ/cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu cuốn lá nhỏ, nhện gié, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê **68WG:** sâu xanh da láng/bắp cải	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Roofer 50EC	sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/chè	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Royal city 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ACB Nhật Bản
		Sausto 1EC, 50WG	**1EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu xanh bướm trắng, sâu tơ/bắp cải; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu xanh/cà chua **50WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Nam Bắc
		Sherdoba 20EC, 55WG	**20EC:** sâu khoang/lạc, sâu cuốn lá/lúa **55WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH NN Công nghệ cao Bản Việt
		Silsau super 3.5EC, 5WP	**5WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải **3.5EC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu vẽ bùa/cam, sâu hồng đục quả/bưởi	Công ty TNHH ADC
		Sittobios 40EC, 50SG	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu xanh, bọ trĩ/dưa hấu; rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu khoang/đậu tương; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific)
		Starrimec 5WG, 75EC, 80SC, 105SG	**5WG:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu khoang, rệp/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; bọ cánh tơ/chè, sâu khoang/đậu tương; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam **75EC:** sâu cuốn lá/lúa **80SC, 105SG:** nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Susupes 1.9EC	bọ trĩ, sâu cuốn lá, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; sâu xanh da láng, sâu khoang/lạc; sâu đục quả/đậu tương;	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			bọ trĩ/dưa hấu; nhện lông nhung/vải; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài; rầy xanh, nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/hồ tiêu; sâu đục nụ, bọ trĩ/hoa hồng	
		Tamala 1.9EC	sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu/lúa; rầy bông, rệp sáp/xoài; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Tanwin 2.0EC, 5.5WG	**2.0EC:** sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục bẹ, rầy nâu/lúa; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả/đậu xanh; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa hấu; nhện đỏ/cam **5.5WG:** rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ/lúa; sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Tasieu 1.9EC, 5WG	**1.9EC:** sâu ăn lá/hành; sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội/bắp cải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu khoang, sâu xanh da láng/lạc; sâu xanh, sâu đo, nhện đỏ/hoa hồng; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ trĩ/dưa hấu, dưa chuột, nho; rệp muội/thuốc lào, thuốc lá, na; nhện đỏ, rệp muội/nhãn; sâu xanh/cà chua; sâu cuốn lá, nhện gié, bọ trĩ, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa; sâu đục quả, nhện đỏ, bọ xít/vải; sâu róm/thông; rầy, sâu xanh/hồ tiêu; sâu ăn lá, bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; rầy/xoài **5WG:** sâu róm/thông; sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ/bắp cải; bọ trĩ/dưa chuột; bọ xít muỗi/ điều; sâu đục thân, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa;	Công ty TNHH Việt Thắng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ/chè; bọ xít/vải, nhãn; sâu baba/rau muống; bọ nhảy/cải thảo, rau cải, su hào; sâu đục quả/đậu đũa, đậu cô ve, ớt, cà pháo, cà tím; rầy xanh/bí xanh; rệp muội/đậu côve, rau cải, su hào, đậu đũa; sâu khoang/ mồng tơi, rau dền, rau muống; sâu tơ/su hào, súp lơ, cải thảo, rau cải; sâu xanh da láng/ hành; bọ trĩ/cà pháo, cà tím; dòi đục lá/hành, đậu cô ve, cải bó xôi	
		Tikemectin 4EC, 60WG	**4EC:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; sâu xanh bướm trắng, rệp, bọ nhảy/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rầy chổng cánh/cam; rầy bông/xoài **60WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
		Topcide tsc 5.5EC, 100WG	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
		Topsix 82WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Nông dược Đại Nam
		Totnhatsuper 100WG, 70EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Multiagro
		Tungmectin 5EC, 5WG	**5EC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, nhện gié, sâu đục bẹ/lúa; sâu khoang/khoai lang; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh;	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			sâu xanh, sau xanh da láng/cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng, bọ trĩ/nho; bọ xít, sâu cuốn lá/vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; sâu đục bông, rầy bông/xoài; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều **5WG:** sâu khoang/đậu tương; rầy bông/xoài; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh/lạc; sâu tơ/cải bắp; bọ xít muỗi/chè; sâu đục quả/cà chua; rệp sáp/hồ tiêu; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/nhãn; rệp sáp/na; bọ trĩ/thuốc lá; nhện lông nhung/vải; bọ xít muỗi/điều; sâu xanh da láng/đậu xanh; bọ trĩ/nho; dòi đục lá/dưa hấu	
		Vimatox 1.9EC, 5SG	**1.9EC:** bọ trĩ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu đục thân, sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; bọ trĩ/dưa hấu, xoài; sâu vẽ bùa/cam; nhện đỏ/bưởi **5SG:** bọ cánh cứng/rau cải, sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Yasmine 19EC	sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Zamectin 65EC, 100WG	sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
453	Emamectin benzoate 10% (100g/kg) + Flufiprole 10% (100g/kg)	Lopita 200WP	mọt đục quả/cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tatachi 200WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
454	Emamectin benzoate 20g/l + Indoxacarb 80g/l	Xotare 10SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Nông dược HAI
455	Emamectin benzoate 10% + Indoxacarb 20%	Lk-saula 30WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
456	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 25g/l	Emacarb 75EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
457	Emamectin benzoate 35g/kg + Indoxacarb 60g/kg	Obaone 95WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
458	Emamectin benzoate 3% + Indoxacarb 6%	Topzaza 9SE	sâu keo mùa thu/ngô; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nam Bắc
459	Emamectin benzoate 50g/kg + Indoxacarb 50g/kg	Chetsau 100WG	sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH SX và KD Tam Nông
460	Emamectin benzoate 30g/l + Indoxacarb 110g/l	Doctor super 140SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản
461	Emamectin benzoate 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Hd-Fortuner 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		IE-max 150EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
462	Emamectin benzoate 10g/l + Indoxacarb 150g/l	Emingold 160SC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/hoa cúc	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
463	Emamectin benzoate 4% + Indoxacarb 12%	Auditor 16SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Công nghệ Nông nghiệp Chiến Thắng
464	Emamectin benzoate 30g/l (85g/kg) + Indoxacarb 150g/l (120g/kg)	Dhajapane 180SC, 205WP	**180SC:** sâu cuốn lá/lúa **205WP:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
465	Emamectin benzoate 4% (50g/l) + Indoxacarb 6% (150g/l)	Shieldkill 10WG, 200SC	**10WG:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương **200SC:** sâu đục bẹ, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu đục nụ/hoa hồng; sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
466	Emamectin benzoate 25g/l + Lambda-cyhalothrin 25g/l	Carbatoc 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
467	Emamectin benzoate 45g/l + Lambda-cyhalothrin 45g/l	Fittoc super 90EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
468	Emamectin benzoate 50g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Etoxgold 100EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
469	Emamectin benzoate 100g/kg + Lambda-cyhalothrin 60g/kg	Nanophasyco 160WG	sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
470	Emamectin benzoate 20g/l + Liuyangmycin 100g/l	Map Genie 12EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/cam; rầy bông/xoài	Map Pacific Pte Ltd
471	Emamectin benzoate 20g/l + Lufenuron 40g/l	Tik-tot 60EC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam; rầy xanh/chè; dòi đục lá/cà chua	Công ty CP XNK Thọ Khang
472	Emamectin benzoate 20g/l + Lufenuron 80g/l	Lemura 100SC	sâu xanh đục bắp/ngô	Công ty TNHH Hóa nông Á Châu Hà Nội
473	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) + Lufenuron 50g/l (100g/kg)	Lufen extra 100EC, 150WG	**100EC:** châu chấu tre/ngô, sâu xanh/hoa cúc; sâu khoang/khoai tây, sâu keo mùa thu/ngô, bọ phấn trắng/sắn **150WG:** sâu xanh/hoa cúc; sâu keo mùa thu/ngô, bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
474	Emamectin benzoate 50g/l + Lufenuron 50g/l	Lufemin 100EC	sâu xanh/hoa cúc	Công ty TNHH Fujimoto Nhật Bản
		Metino 100EC	sâu cuốn lá/lạc	Công ty TNHH ADC
475	Emamectin benzoate 5% + Lufenuron 40%	Sun Eluron 45WG	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Sunseaco Việt Nam
476	Emamectin benzoate 10% + Lufenuron 40%	Armcide 50WG	sâu đục bắp/ngô, sâu keo mùa thu/ngô	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd
477	Emamectin benzoate 49g/l (148g/l) + Matrine 1g/l (2g/l)	Nasdaq 50EC, 150WG	**50EC:** sâu cuốn lá/lúa **150WG:** sâu tơ/bắp cải	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
478	Emamectin benzoate 10g/l + Matrine 10g/l	Kimcis 20EC	nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/cam, bọ hà/khoai lang	Công ty CP Nông dược Agriking

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
479	Emamectin benzoate 7.5g/l + Matrine 7.5g/l	Gasrice 15EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
480	Emamectin benzoate 19g/l, (49g/kg), (89g/l) + Matrine 1g/l (1g/kg), (1g/l)	Mectinstar 20EC, 50SG, 90SC	**20EC, 50SG:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu tơ, sâu khoang/bắp cải; dòi đục lá/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu; sâu khoang/lạc; rệp/thuốc lá; rầy xanh/chè; rầy bông/xoài; nhện đỏ/cam; sâu róm/thông **90SC:** rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
481	Emamectin benzoate 41g/l + Matrine 2g/l	9X-Actione 4.3EC	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh da láng/bắp cải; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
482	Emamectin benzoate 20g/kg (29g/l), (60.9g/kg) + Matrine 1g/kg (1g/l), (0.1g/kg)	Redconfi 21WP, 30EC, 61WG	**21WP, 30EC:** sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ xít muỗi, rầy canh/chè **61WG:** rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
483	Emamectin benzoate 25g/l, (48g/kg), (98g/kg) + Matrine 2g/l, (2g/kg), (2g/kg)	Rholam Super 27EC, 50SG, 100WG	**27EC:** nhện gié/lúa; sâu tơ/bắp cải **50SG:** sâu đục bẹ, bọ xít/lúa; bọ cánh tơ, bọ xít muỗi, nhện đỏ/chè; sâu tơ/cải xanh; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa/cam; sâu xanh da láng/nho; sâu khoang/lạc; rầy bông/xoài; sâu đục gân lá/vải **100WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP nông dược Nhật Việt

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
484	Emamectin benzoate 60g/l + Matrine 4g/l	Bạch tượng 64EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam; nhện lông nhung/nhãn; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH TM Nông Phát
485	Emamectin benzoate 24g/l, (55g/kg + Matrine 1g/l, (0.5g/kg)	Dolagan 25EC, 55.5WG	**25EC:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải, sâu vẽ bùa/cam, bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè **55.5WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
486	Emamectin benzoate 95g/kg + Matrine 5g/kg	K54 100WG	sâu cuốn lá/lúa, nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Pro-sure 100WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
487	Emamectin benzoate 29.5g/l (49g/kg) + Martrine 0.5g/l (1g/kg)	Techtimex 30EC, 50WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
488	Emamectin benzoate 2% + Metaflumizone 20%	AF-Metazone 22SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Agrifuture
489	Emamectin benzoate 2% + Methoxyfenozide 18%	Tenano 20SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Agrofarm
490	Emamectin benzoate 0.4% (4g/l) + Monosultap 19.6% (392g/l)	Map Go 20ME, 39.6SL	**20ME:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa, nhện/sắn **39.6SL:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/lạc; rệp sáp/cà phê	Map Pacific Pte Ltd
491	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 245g/l	Eska 250EC	sâu cuốn lá, bọ xít dài, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; nhện lông nhung/vải; sâu xanh da láng/thuốc lá; sâu khoang/lạc, đậu tương; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa chuột, bí xanh; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu tơ, sâu xanh, rệp/bắp cải; nhện đỏ/nhãn	Công ty CP Nông nghiệp HP

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
492	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum oil 395g/l	Emamec 400EC	sâu đục thân, cuốn lá, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp/ngô; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/đậu trạch; sâu khoang/lạc; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
493	Emamectin benzoate 5g/l + Petroleum spray oil 245g/l	Comda 250EC	bọ trĩ/dưa hấu, bọ xít muỗi/chè, rầy bông/xoài, rệp muội/hoa cúc, ớt; rệp sáp/cà phê, sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/hành, rầy xanh/chè	Công ty CP BVTV Sài Gòn
494	Emamectin benzoate 19g/l + Permethrin 80.99g/l	Tiachop 99.99EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
495	Emamectin benzoate 20g/l + Permethrin 220g/l	Happymy 240EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
496	Emamectin benzoate 10g/l + Quinalphos 240g/l	Daisuke 250EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
497	Emamectin benzoate 30g/kg + Spinosad 25g/kg	Amagong 55WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
498	Emamectin benzoate 50g/l (50g/kg) + 200g/l (200g/kg) Spinosad	Boxin-TSC 25EC, 250WP	sâu xanh/bắp cải	Công ty CP Lion Agrevo
499	Emamectin benzoate 18g/kg + Spirodiclofen 75g/kg	Kingspider 93SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP BVTV Sài Gòn
500	Esfenvalerate (min 83%)	Sumi-Alpha 5EC	sâu đục quả/đậu tương; bọ xít, sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sumisana 5EC	sâu khoang/khoai lang	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
501	Esfenvalerate 1.25 % + Fenitrothion 25%	Sumicombi-Alpha 26.25EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/lúa; sâu khoang/lạc; rầy xanh/bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
502	Ethiprole (min 94%)	Curbix 100SC	rầy nâu/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Tobirole 200SC	rầy chổng cánh/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
503	Ethiprole 100g/l + Imidacloprid 100g/l	Peridor 200SC	rầy nâu/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
504	Etofenprox (min 96%)	Etofen 100SC	rầy xanh/chè	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Noray 30EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
		Slavic 10SC	rầy nâu/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Trebon 10EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rầy xanh, bọ trĩ, bọ xít muỗi/chè; sâu xanh, sâu khoang/bông vải, ngô; sâu vẽ bùa; rệp/vải; bọ xít muỗi/điều	Mitsui Chemicals Crop & Life Solutions, Inc.
505	Etofenprox 2% + Phenthoate 48 %	ViCIDI-M 50EC	bọ xít/lúa, sâu xanh/lạc	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
506	Etoxazole (min 95%)	Ac-Toxazol 200SC	nhện đỏ/chè, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Borneo 11SC	nhện đỏ/cam, hoa hồng, chè	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Cantona 20SC	nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Etoman 20SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Eto Speed 200SC	nhện đỏ/cam, hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		RedArmy 110SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Cửu Long
		Sachnhen-Eto 110SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP TM Hải Ánh
		Ω-Etoxa 110SC	nhện đỏ/cam, chè	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
507	Etoxazole 10% + Fenpropathrin 10%	DN Zin 20SE	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV Thảo Điền
508	Etoxazole 100g/l + Spirodiclofen 300g/l	Nitmax 400SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Nam Bắc
509	Etoxazole 150g/l + Spirotetramat 300g/l	Etomat 450SC	rệp sáp/cam	Công ty TNHH Sunwa
510	Etoxazole 5% + Pyridaben 20%	Spinner 25SC	nhện đỏ/hồ tiêu, sắn; bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
511	Eucalyptol (min 70%)	Pesta 2SL	nhện đỏ, sâu vẽ bùa, rầy chổng cánh/cam; nhện lông nhung/vải; nhện đỏ/nhãn; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng/thuốc lá; sâu đục quả/đậu tương;	Công ty TNHH Nam Bắc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			bọ trĩ/bí xanh, dưa chuột; sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; sâu tơ/bắp cải	
512	Fenbutatin oxide (min 95%)	Aki-Verati 500WP	nhện đỏ/hoa cúc	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Nilmite 550SC	nhện gié/lúa; nhện đỏ/hoa hồng, cam	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
513	Fenbutatin oxide 8% + Propargite 30%	Pro-F 38EC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
514	Fenitrothion (min 95%)	Factor 50EC	sâu đục thân/lúa; rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Forwathion 50EC	sâu đục thân/lúa, rệp/cà phê	Forward International Ltd
		Metyl annong 50EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Nysuthion 50EC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Sumithion 50EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Visumit 5DP, 50EC	**5DP:** cào cào, sâu trong đất/lúa **50EC:** sâu đục thân, châu chấu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
515	Fenitrothion 45% + Fenobucarb 30%	Difetigi 75EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Subatox 75EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV I TW
516	Fenitrothion 250g/l (25%) + Fenvalerate 50g/l (5%)	Hosithion 30EC	bọ xít hôi/lúa, sâu khoang/lạc	Công ty CP Hóc Môn

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sumicombi 30EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bọ xít/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu đục quả, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sumitigi 30EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
517	Fenitrothion 450g/l + Fenpropathrin 50g/l	Danitol-S 50EC	nhện, rầy nâu, bọ trĩ/lúa; sâu đục cành, đục quả, rệp sáp/cà phê; rệp, sâu xanh, rầy xanh, bọ trĩ/bông vải	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
518	Fenobucarb (BPMC) (min 96%)	Abasba 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Anba 50EC	rầy nâu/lúa, bọ xít/hồ tiêu, rệp/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Basasuper 700EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Bascide 50EC	rầy nâu/lúa, rệp/thuốc lá	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Bassa 50EC	rầy/lúa, rệp sáp/bông vải	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Bassatigi 50EC	rầy nâu, sâu keo/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Dibacide 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dosadx 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Excel Basa 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH OCI Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Forcin 50EC	rầy nâu/lúa, bọ trĩ/bông vải	Forward International Ltd
		Hoppecin 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Jetan 50EC	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Metasa 500EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Nibas 50EC	rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa, rệp vảy/cà phê	Công ty CP Nicotex
		Pasha 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Super Kill 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		Tapsa 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Triray 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
		Vibasa 50EC	rầy, rầy nâu/lúa; rệp/bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vitagro 50EC	rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
519	Fenobucarb 300g/l + Imidacloprid 50g/l	Azora 350EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
520	Fenobucarb 415g/l + Imidacloprid 35g/l	Javipas 450EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP nông dược Nhật Việt

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
521	Fenobucarb 450g/l + Imidacloprid 50g/l	Lanro 500EC	bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
522	Fenobucarb (5g/kg) 150g/l + Isoprocarb (195g/kg) 150g/l	Anbas 200WP, 300EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
523	Fenobucarb 350g/l + Isoprocarb 150g/l	Kimbas 500EC	sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
524	Fenobucarb 20% + Phenthoate 30%	Viphensa 50EC	sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
525	Fenobucarb 30% (300g/l) + Phenthoate 45% (450g/l)	Diony 75EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Hopsan 75EC	bọ xít hôi, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
526	Fenobucarb 45% + Phenthoate 30%	Knockdown 75EC	rầy nâu/lúa, sâu xanh/lạc	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
527	Fenobucarb 305g/l + Phenthoate 450g/l	Abasa 755EC	rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu xanh/lạc; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
528	Fenpropathrin (min 90%)	Alfapathrin 100EC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Danitol 10EC	rệp/bông vải, nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Sauso 10EC	nhện đỏ/hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vimite 10EC	nhện đỏ/hoa hồng; bọ trĩ, rệp sáp, nhện đỏ/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
529	Fenpropathrin 160g/l + Hexythiazox 60g/l	Mogaz 220EC	nhện đỏ/hoa hồng; nhện gié/lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		Spider man 220EC	nhện gié/lúa, nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
530	Fenpropathrin 5g/l + Pyridaben 200g/l	Ratop 205EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
531	Fenpropathrin 100g/l + Pyridaben 200g/l	Sieunhen 300EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
532	Fenpropathrin 100g/l (5g/l) + Profenofos 40g/l (300g/l) + Pyridaben 10g/l (5g/l)	Calicydan 150EW, 310EC	**150EW:** nhện gié/lúa **310EC:** rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
533	Fenpropathrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Naldaphos 350EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
534	Fenpyroximate (min 96%)	Nasata 5SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Liên nông Việt Nam
		May 050SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Ortus 5SC	nhện đỏ/hoa hồng, bông vải	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
535	Fenpyroximate 3% + Propargite 10%	Ω-Baxi 13EW	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
536	Fenpyroximate 50g/l + Pyridaben 150g/l	Rebat 20SC	nhện gié/lúa; bọ xít muỗi/điều, ca cao; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Tân Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
537	Fenvalerate (min 93%)	Dibatox 20EC	sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu cuốn lá/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fantasy 20EC	rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Fenkill 20EC	sâu đục thân/lúa, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		First 20EC	bọ xít/lúa	Zagro Singapore Pte Ltd
		Kuang Hwa Din 20EC	rầy xanh/lúa	Bion Tech Inc.
		Pathion 20EC	sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Pyvalerate 20EC	rầy, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều	Forward International Ltd
		Sanvalerate 200EC	bọ xít/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Sutomo 25EC	sâu đục quả/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Timycin 20EC	bọ xít/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Vifenva 20EC	sâu xanh/thuốc lá, bọ xít/đậu lấy hạt, sâu keo/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
538	Flometoquin (min 94%)	Gladius 10SC	bọ trĩ/hoa cúc, bọ phấn trắng/sắn, sâu xanh da láng/đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Quinac 10SC	rầy nâu/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
539	Flonicamid (min 96%)	Acpymezin 10WG	rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ace focamid 50WG	bọ trĩ/hoa cúc; bọ phấn/thuốc lá; bọ phấn/sắn	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Exami 20WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Fairway 500WG	rệp muội/ngô	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Million 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BMC Việt Nam
		Teppeki 50WG	rầy nâu/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
540	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 400g/kg	Achetray 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
541	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Florid 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
542	Fluazinam (min 96%)	Flame 500SC	nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
543	Fluacrypyrim (min 95%)	Ang.clean 250SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
544	Flubendiamide (min 95%)	Flagrole 20WG	sâu đục quả/cà chua	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Saikumi 39.35SC	sâu tơ/bắp cải, sâu khoang/khoai lang, sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Takumi 20WG, 20SC	**20WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/lạc, sâu đục quả/cà chua **20SC:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/bưởi	Nihon Nohyaku Co., Ltd.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
545	Flubendiamide 100g/l + Metaflumizole 150g/l	Beluka 250SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Nghiệp HP
546	Fluensulfone (min 95%)	Nimitz 480EC	tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
547	Flufenoxuron (min 98%)	Cascade 5EC	sâu xanh da láng/lạc, đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
548	Flufiprole (min 97%)	Tachi 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á châu
549	Flufiprole 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Good 150SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
550	Flupyradifurone (min 96%)	Sivanto Prime 200SL	rệp sáp/cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
551	Fluxametamide (min 94%)	Gracia 100EC	sâu tơ/cải bắp; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
552	Fosthiazate (min 93%)	BN-Fosthi 10GR	tuyến trùng/cà phê	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Foster 15GR	tuyến trùng/cà phê	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Makeno 10GR	tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Nemafos 10GR, 30CS	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Nemathorin 10GR	tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Nemazate 15GR	tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Quota 10GR	tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu	Công ty TNHH ADC
		Sagofort 10GR	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sakuto 10GR	tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH US Agro
		Sun Choong En 5GR	tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
553	Fufenozide (min 98%)	Fufe-super 100EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
554	Gamma-cyhalothrin (min 98%)	Vantex 15CS	sâu đục thân/lúa, sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam
555	Garlic juice	Bralic-Tỏi Tỏi 1.25SL	bọ phấn/cà chua	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Biorepel 10SL	rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; ruồi hại lá/cải bó xôi; rệp muội/hoa cúc, cải thảo; bọ phấn/cà chua; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
556	Hexaflumuron (min 95%)	Fluron 100SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Humeron 50EC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH US Agro
		Staras 50EC	sâu xanh/lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
557	Hexythiazox (min 94%)	Akiazox 50EW	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Hoshi 55.5EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Lama 50EC	nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Nissorun 5EC	nhện đỏ/chè, hoa hồng, cam, đu đủ, xoài, hoa huệ; nhện gié/lúa; nhện lông nhung/nhãn, vải	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nhendo 5EC	nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Ogiva 5EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Master AG
		Thizomite 200EC	bọ phấn trắng/sắn, nhện đỏ/cam	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Tomuki 50EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
558	Hexythiazox 2% + Propargite 20%	Omega-Hexy 22EC	nhện đỏ/hoa hồng, rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
559	Hexythiazox 3% + Propargite 30%	Aki-siêu nhện 33EW	nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
560	Hexythiazox 40g/l + Pyridaben 160g/l	Super bomb 200EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
561	Imidacloprid (min 96%)	Acmayharay 100WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Actador 100WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Khoa học CNC American

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Admitox 050EC, 100SL, 100WP, 600SC, 750WG	**050EC, 100SL:** rầy nâu/lúa **100WP:** rệp sáp/cà phê; rầy nâu, bọ trĩ/lúa **750WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **600SC:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Aicmidae 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Amico 10EC, 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Anvado 100SL, 100WP, 200SC, 700WG	**100SL, 100WP, 200SC, 700WG:** rầy nâu/lúa **100WP:** châu chấu tre lưng vàng/tre, ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Armada 50EC, 100SL, 700WG	**50EC:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu cuốn lá/lạc **100SL:** rệp sáp/cà phê **700WG:** bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Asimo 10WP	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Biffiny 10WP, 400SC, 600FS	**10WP:** bọ trĩ/lúa, rầy nâu/lúa **400SC:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **600FS:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Canon 100SL	Bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
		Confidor 200SL, 200OD, 700WG	**200SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp vảy, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/điều, rệp sáp/hồ tiêu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			200OD: rầy nâu/lúa; bọ trĩ/lúa, điều; rệp sáp, rệp vảy/cà phê; rầy xanh, rệp muội/bông vải **700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu	
		Conphai 10ME, 10WP, 100SL, 700WG	**10ME, 10WP, 700WG:** rầy nâu/lúa **100SL:** rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Hamida 10WP	rệp muội/đậu xanh	Công ty CP TM Hải Ánh
		Helmer Admida 350SC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH B.Helmer
		Imida 10WP, 20SL	**10WP:** bọ trĩ/lúa **20SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Long Hiệp
		Imidova 150WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Imitox 10WP, 20SL, 700WG	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **20SL:** rầy nâu/lúa **700WG:** bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; bọ phấn trắng/sắn	Công ty CP Đồng Xanh
		Inmanda 100WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Iproimida 20SL	rầy nâu/lúa	Công ty CP Futai
		Javidan 100WP, 150SC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Jiami 10SL	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Jugal 17.8SL	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Just 050EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Kerala 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Keyword 10SL	bọ trĩ/lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Kimidac 050EC	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Kola 600FS, 700WG	**600FS:** xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/lúa **700WG**: bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/lúa	Công ty TNHH ADC
		Kongpi-da 151WP, 700WG	**151WP:** rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều **700WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Lion Ray 200SC	rệp sáp bột hồng/sắn	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Map-Jono 5EC, 700WP	**5EC:** bọ trĩ/lúa **700WP:** rầy nâu/lúa; sâu xám/ngô; rầy xanh/bông vải	Map Pacific Pte Ltd
		Mega-mi 178SL	bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rầy thánh giá/hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM Anh Thơ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Mikhada 10WP, 45ME, 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
		Miretox 10EC, 250WP, 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Midan 10WP	rầy xanh/bông vải; rầy nâu, bọ trĩ, rầy lưng trắng/lúa; rệp vẩy/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP Nicotex
		Nomida 10WP, 50EC, 700WG	**10WP, 50EC:** rầy nâu/lúa **700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Điền Thạnh
		OFI 200SL	rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Phenodan 10WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai
		Pysone 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Punto xtra 70WG	rầy nâu/lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co.Ltd
		Saimida 100SL	rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sahara 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Sectox 100WP, 200EC, 700WG	**100WP:** rầy nâu/lúa **200EC, 700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Stun 20SL	rầy nâu/lúa; bọ xít muỗi/điều; bọ xít lưới/hồ tiêu; bọ trĩ/lạc	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sun top 700WP	rầy nâu/lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		T-email 10WP, 70WG	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê **70WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê; dòi đục lá/đậu xanh; bọ xít muỗi, bọ trĩ/điều; rệp sáp, bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thần Địch Trùng 200WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Thanasat 10WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Tinomo 100SL, 100WP	**100SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **100WP:** rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Vicondor 50EC, 700WP	**50EC:** rầy nâu/lúa **700WP:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vipespro 150SC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Yamida 10WP, 100EC, 100SL, 700WG	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê **100EC, 700WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa **100SL:** bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
562	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 50g/l	Aickacarb 250SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
563	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 70g/l	Yasaki 270SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
564	Imidacloprid 150g/l + Indoxacarb 150g/l	Xacarb 300SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Xarid 300SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
565	Imidacloprid 3% + Isoprocarb 32%	Qshisuco 35WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
566	Imidacloprid 100g/kg + Isoprocarb 250g/kg	Tiuray TSC 350WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
567	Imidacloprid 250g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg	Centertrixx 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
568	Imidacloprid 205g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Startcheck 755WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
569	Imidacloprid 5% + Nitenpyram 45% + Pymetrozine 25%	Ramsuper 75WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
570	Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Transfluthrin (min 95%) 50g/kg	Strongfast 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
571	Imidacloprid 100g/kg (50g/l) + Pirimicarb 20g/kg (150g/l)	Actagold 120WP, 200EC	rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
572	Imidacloprid 50g/l + Profenofos 200g/l	Romano 250EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Vitasupe 250EC	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
573	Imidacloprid 2% + Pyridaben 18%	Hapmisu 20EC	bọ phấn/lạc, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
574	Imidacloprid 2.5% + Pyridaben 15%	Usatabon 17.5WP	rệp bông xơ/mía, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
575	Imidacloprid 150 g/kg (150g/kg) + Pymetrozine 200 g/kg (500g/kg)	Tvpymeda 350WP, 650WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
576	Imidacloprid 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Cherray 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
577	Imidacloprid 15g/kg + Thiamethoxam 285g/kg	Wofara 300WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
578	Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Leader 350WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập Đoàn Điện Bàn
579	Imidacloprid 100g/l (400g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (350g/kg)	NOSOT Super 300SC, 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
580	Imidacloprid 200g/kg + Thiamethoxam 50g/kg	Aicpyricyp 250WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
581	Imidaclorpid 10g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 340g/kg	Actadan 350WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
582	Imidacloprid 5% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 85%	Zobin 90WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP
583	Imidacloprid 2% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 58%	Midanix 60WP	sâu xanh/đậu tương; sâu cuốn lá; bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
584	Imidacloprid 4g/kg (20g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 36/kg (930g/kg)	Vk.Dan 40GR, 950WP	**40GR:** sâu đục thân/lúa **950WP:** bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
585	Imidacloprid 5% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 70%	Rep play 75WP	sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
586	Indoxacarb (min 90%)	Actatin 150SC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Aficap 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
		Agfan 15SC	sâu cuốn lá/lúa, bọ xít lưới/hồ tiêu, sâu khoang/lạc	Rotam Asia Pacific Limited

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Amateusamy 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Amater 150SC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Lion Agrevo
		Avio 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ hà/khoai lang	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Ammate® 30WG, 150EC	**30WG:** sâu cuốn lá/lúa **150EC:** sâu khoang/lạc, sâu xanh/thuốc lá, sâu xanh da láng/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Anhvatơ 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Anmaten 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Atone 14.5SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An
		Betakill 150SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Kỹ nghệ HGA
		Blog 8SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clever 150SC, 300WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Doxagan 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		HA.Cropando 14.5SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Indocar 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Indogold 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Indony 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		Indosuper 150SC, 300WG	**150SC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, nhện gié/lúa; rệp muội, sâu đục quả, sâu đục hoa, sâu xanh/đậu tương **300WG:** sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Inrole 30WG	sâu khoang/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Master Indo 150SC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Vision Chemical
		Newamate 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Đồng Vàng
		Opulent 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Long
		Samxacarb 145SC	sâu khoang/lạc	Công ty CP SAM
		Sparring 30WG	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
		Supermate 150SC	sâu xanh da láng/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/thuốc lá, sâu khoang/lạc	Công ty TNHH An Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sunset 100EC, 100ME, 100WP, 150SC, 300WG	**100EC, 100ME, 100WP, 150SC:** sâu keo mùa thu/ngô **300WG:** sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP ĐT TM và PTNN ADI
		Thamaten 150SC	sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Zazz 150SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Nam Bắc
		Wavesuper 15SC	sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bộ
587	Indoxacarb 150g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Divine 180SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
588	Indoxacarb 150g/l + Lambda-cyhalothrin 50g/l	Casino 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
589	Indoxacarb 345 g/kg + Matrine 5g/kg	August 350WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
590	Indoxacarb 100g/l + Methoxyfenozide 150g/l	Carno 250SC	sâu keo mùa thu/ngô, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Global Farm
591	Indoxacarb 15% + Methoxyfenozide 20%	Superplus 35SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH A2T Việt Nam
592	Indoxacarb 240g/l + Novaluron 80g/l	Plemax 320SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Adama Việt Nam
593	Indoxacarb 4.5% + Novaluron 5.25%	BV.Cropskill 9.75SC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
594	Indoxacarb 55g/kg (0.2g/l), (160g/l) + Profenofos 0.5g/kg (84.8g/l), (40g/l)	Goldkte 55.5WG, 85EW, 200SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ
595	Indoxacarb 50g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Pymin 600WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
596	Indoxacarb 150g/l + Tebufenozide 200g/l	Captain 350SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
597	Isocycloseram (min 96%)	Incipio® 200SC, 100DC	**200SC:** sâu đục thân, sâu cuốn lá /lúa **100DC:** sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
598	Isoprocarb (min 95%)	Mipcide 50WP	rầy xanh/bông vải, rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Micinjapane 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tigicarb 20EC, 25WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vimipc 20EC, 25WP	rầy/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
599	Isoprocarb 400g/kg + Thiamethoxam 25g/kg	Cynite 425WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
600	Isoprocarb 400g/kg + Thiacloprid 50g/kg	Zorket 450WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Được Mùa
601	Isoprocarb 200g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Silwet 300WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
602	Isoprocarb 40% + Pymetrozine 10%	Dobamper 50WP	rầy xanh/hồ tiêu	Công ty CP Nông dược Việt Thành
603	Isoprocarb 600g/kg + Pymetrozine 80g/kg	Pentax 680WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
604	Karanjin	Takare 2EC	nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; bọ trĩ/dưa chuột, nho, dưa hấu; nhện lông nhung/nhãn, vải; nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam, hồ tiêu	Công ty CP Nông dược HAI
		TT-umax 2EC	sâu cuốn lá/lúa, nhện đỏ/cam, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Delta Cropcare
605	Lambda-cyhalothrin (min 81%)	Cyhella 250CS	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Karate® 2.5EC	sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, sâu phao, rầy nâu/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá, sâu ăn lá/lạc; sâu ăn lá/đậu tương	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Katedapha 25EC	bọ xít, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH KD HC Việt Bình Phát
		Katera 50EC	sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		K-T annong 25EC, 25EW	sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH An Nông
		K-Tee Super 50EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Fast Kill 2.5EC	rệp/thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Iprolamcy 5EC	sâu cuốn lá/lúa, bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty CP Futai
		Perdana 2.5EC	sâu cuốn lá/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Racket 2.5EC	sâu ăn lá/lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Sumo 2.5EC	bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Vovinam 2.5EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu róm/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
606	Lambda-cyhalothrin 50g/l + Methylamine avermectin 38g/l	Manytoc 88EC	sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH CEC Việt Nam
607	Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Paichongding (min 95%) 250g/kg	Kingcheck 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
608	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Profenofos 335g/l	Wofatac 350EC	sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
609	Lambda-cyhalothrin 50g/l + Profenofos 375g/l	Gammalin super 425EC	rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
610	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Quinalphos 235g/l	Cydansuper 250EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Repdor 250EC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
611	Lambda-cyhalothrin 20g/l + Quinalphos 230g/l	Supitoc 250EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
612	Lambda-cyhalothrin 106g/l (10.6%) + Thiamethoxam 141g/l (14.1%)	Fortaras top 247SC	rầy nâu, bọ xít hôi, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Uni-tegula 24.7SC	rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
613	Lambda-cyhalothrin 110g/l + Thiamethoxam 140g/l	Valudant 250SC	sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Yapoko 250SC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
614	Lambda-cyhalothrin 2g/l (50g/l) + Phoxim 283g/l (19.99g/l) + Profenofos 120g/l (30g/l)	Boxing 405EC, 99.99EW	**405EC:** rầy nâu, sâu đục thân/lúa **99.99EW:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
615	Lambda-cyhalothrin 20g/l (10g/kg) (110g/l) + Thiacloprid 36.66g/l (100g/kg) (10g/l) + Thiamethoxam 10g/l (10g/kg), (150g/l)	Arafat 66.66EW, 120WP, 270SC	**66.66EW:** sâu cuốn lá/lúa **120WP, 270SC:** rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
616	Lufenuron (min 96%)	Canuron 100EC	sâu xanh da láng/cà chua	Công ty CP TST Cần Thơ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Cedar 100EC	bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Lino pesti 80EC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Liên nông Việt Nam
		Lockin 100EC	sâu keo mùa thu/ngô, sâu khoang/cải bắp	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Lockone 115EC	sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Lufenmax 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Lufenron 050EC	sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, thuốc lá; sâu đục quả/đậu tương, sâu vẽ bùa/cam; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Đồng Xanh
		Martadu 100SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Match® 050EC	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/đậu xanh, thuốc lá; sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/cà chua; sâu keo mùa thu/ngô; sâu khoang/khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Sukibe 50EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Tomi 5EC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP BMC Việt Nam
		Tplufenron 100EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH VTNN Trung Phong
		VT-Fenuron 10SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Nam Bắc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ω-Luron 50SC	sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
617	Lufenuron 50g/l + Metaflumizone 200g/l	Truemax 250SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
618	Liuyangmycin (min 90%)	ANB52 Super 100EC	nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện lông nhung/vải; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
		Map Loto 10EC	nhện đỏ/xoài, cam; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ phấn/đậu côve; rệp muội/quýt	Map Pacific Pte Ltd
619	Matrine (dịch chiết từ cây khổ sâm) (min 98%)	Agri-one 1SL	sâu khoang/lạc, đậu côve; dòi đục lá/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp Hà Long
		Ajisuper 0.5SL, 1EC, 1WP	sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Aphophis 5EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; rầy bông/xoài	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Asin 0.5SL	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH - TM Thái Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Đầu trâu Jolie 1.1SP	bọ trĩ/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dotrine 0.6SL	sâu tơ/bắp cải, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Ema 5EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu khoang/khoai lang; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè, rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; bọ trĩ, sâu xanh da láng/nho; bọ xít, sâu cuốn lá/vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; sâu đục bông, rầy bông/xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Faini 0.288EC, 0.3SL	**0.288EC:** rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè **0.3SL:** sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa	Công ty CP Nicotex
		Kobisuper 1SL	nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/hoa cúc, cam; ruồi hại lá/đậu tương; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; nhện đỏ/nho; sâu đục quả, dòi đục lá/đậu đũa; ruồi hại lá/cây bó xôi; sâu khoang/lạc; sâu xanh/thuốc lá; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ly 0.26SL	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Marigold 0.36SL	rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/cà phê; rầy xanh/xoài; sâu xanh da láng/đậu tương; sâu khoang/lạc; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/vải; bọ xít/điều; sâu đục quả/chôm chôm; sâu tơ/bắp cải; thối quả/xoài; mốc xám/nho; sương mai/dưa hấu, cà chua	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Plasma 3EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP QT APC Việt Nam
		Sakumec 0.5EC	sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; bọ nhảy, sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Sokonec 0.36SL	sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu đục quả/đậu côve; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Sokupi 0.5SL	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu xanh da láng/thuốc lá, cà chua; bọ trĩ/dưa chuột; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Wotac 16EC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
			tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	
620	Matrine 0.5% + Oxymatrine 0.1%	Disrex 0.6SL	sâu ăn hoa/xoài, sâu tơ/bắp cải, sâu xanh/lạc	Công ty TNHH An Nông
621	Matrine 2g/l + Quinalphos 250g/l	Nakamura 252EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
622	Metaflumizone (min 96%)	Ataflu 240SC	nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		DN Methaomizol 260SC	sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Lumizon 240SC	sâu đục quả/cà chua	Công ty TNHH Phú Nông
		Like-HP 240SC	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Verismo 240SC	sâu khoang/hành; sâu tơ/cải bắp; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
623	Metaflumizone 10% + Methoxyfenozide 10%	Margo 20SC	sâu xanh da láng/hành	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
624	Metaflumizone 150g/l + Methoxyfenozide 150g/l	Metadi 300SC	sâu xanh da láng/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Global Farm
625	Metaflumizone 200g/l + Methoxyfenozide 200g/l	MDMetometa 400SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
626	Metarhizium anisopliae	Naxa 800DP	rầy nâu/lúa	Công ty CP sinh học NN Hai Lúa Vàng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ometar 1.2 x 10^9 bào tử/g	rầy, bọ xít/lúa; bọ cánh cứng/dừa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
627	Methoxyfenozide (min 95%)	Gold Wing 24SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Masterole 24SC	sâu xanh da láng/cải bắp	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Newrice 230SC	sâu xanh da láng/cải bắp	Công ty CP S New Rice
		Prodigy® 240SC	sâu khoang, sâu xanh/lạc; sâu xanh da láng/cải bắp; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Profendi 240SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Gap Agro
		Swin 240SC	sâu khoang/cải bắp	Công ty CP Thuốc BVTV Tiên Tiến
		Zylo 240SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH UPL Việt Nam
628	Methoxyfenozide 150g/l + Pyridalyl 90g/l	Mepyda 240SC	sâu keo mùa thu/ngô, sâu xanh da láng/cải bắp, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
629	Methoxyfenozide 300g/l + Spinetoram 60g/l	Pixy® 360SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
630	Methylamine avermectin (min 70%)	Aicmectin 75WG	rầy xanh/chè, sâu tơ/cải bắp	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Hagold 75WG	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Lutex 1.9EC, 5.5WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá/lúa **5.5WG:** sâu cuốn lá/lúa, sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
631	Methyl butyrate	Map rigo 3.2SL	sâu xanh da láng/hành, nhện đỏ/cam	Map Pacific Pte Ltd
632	Milbemectin (min 92%)	Cazotil 1EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
633	Naled (Bromchlophos) (min 93%)	Dibrom 50EC	bọ xít hôi/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		TĐK Epoxyco 50EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
634	Natural rubber	Map Laba 10EC	rệp sáp/ổi, nhện đỏ/cam	Map Pacific Pte Ltd
635	Nitenpyram (min 95%)	Acnipyram 50WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Benusa 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Charge 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Doramto 50SP	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
		Dyman 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Elsin 10EC, 500SL, 600WP	**10EC:** rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rệp/đậu tương **500SL:** rầy nâu/lúa **600WP:** rầy nâu/lúa, rệp muội/đậu tương	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Fonica 600WP	rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Luckyram 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Nitensuper 220SL, 500WP	**220SL:** bọ trĩ/điều, rầy nâu/lúa **500WP:** bọ xít muỗi/điều; rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Soso 500WG	rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Super King 500SL, 600WP	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH Việt Đức
		TVG28 650SP	bọ phấn trắng/sắn; rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Ω-ram 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
636	Nitenpyram 150g/kg (15%) + Pymetrozine 200g/kg (20%)	Asa Ray 350OD	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Nitop 35OD	rầy chổng cánh/phật thủ, rệp muội/đậu tương, bọ phấn trắng/sắn	Công ty CP Global Farm
637	Nitenpyram 20% (200g/kg) + Pymetrozine 60% (600g/kg)	Maxram 800WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Phú Nông
		Meniten 800WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Global Farm
		Nitendo 80WG	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI
		Osago 80WG	bọ phấn/sắn, rầy nâu/lúa, rầy chổng cánh/phật thủ	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Phoppaway 80WG	rệp muội/mía	Beijing Bioseen CropSCiences Co., Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Samurai 800WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Vuachest 800WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TAT Hà Nội
638	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 30%	TT Led 70WG	rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa; mọt đục quả, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
639	Nitenpyram 30% (300g/kg) + Pymetrozine 40% (400g/kg)	Laroma 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Nisangold 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Ramsing 700WP, 700WG	**700WP:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê **700WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
640	Nitenpyram 30% (50%) + Pymetrozine 40% (25%)	Lkset-up 70WG, 75WP	**70WG:** rầy nâu/lúa **75WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
641	Nitenpyram 50% + Pymetrozine 25%	Nypydo 75WP	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
642	Nitenpyram 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Palano 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
643	Nitenpyram 150g/kg + Pymetrozine 450g/kg	Titan 600WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
644	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 40%	Auschet 80WP	rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
645	Nitenpyram 20% + Pymetrozine 50%	Pytenram 70WG	bọ phấn/sắn	Công ty TNHH Kona CropSCience

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
646	Nitenpyram 500g/kg + Pyriproxyfen 220g/kg	Supercheck 720WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
647	Nitenpyram 450g/kg + Tebufenozide 200g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Facetime 750WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
648	Nitenpyram 500 g/kg + Spiromesifen 200g/kg	Ang-Sachray 700WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
649	Novaluron (min 96%)	Rimon 10EC	sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		True 100EC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Uniron 100EC	sâu khoang/ớt	Công ty TNHH UPL Việt Nam
650	Oxymatrine (min 98%)	Vimatrine 0.6SL	bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/chè; sâu tơ/rau cải ngọt; ruồi hại lá/cải bó xôi; bọ phấn, sâu đục quả, sâu xanh da láng/cà chua; bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
651	Permethrin (min 92%)	Army 10EC	sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH XNK Hóa chất Công nghệ cao Việt Nam
		Asitrin 50EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clatinusa 500EC	sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Crymerin 50EC	mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc; sâu róm/điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Fullkill 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Forward International Ltd
		Galaxy 50EC	sâu xanh/lạc, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kilsect 10EC	sâu khoang/lạc; bọ trĩ, sâu phao/lúa; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi, sâu róm/điều	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Map-Permethrin 50EC	sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, sâu đục quả/đậu tương, sâu xanh da láng/lạc, rệp sáp/cà phê	Map Pacific Pte Ltd
		Megarin 50EC	sâu xanh/đậu tương, rầy thánh giá/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Patriot 50EC	sâu khoang/đậu tương, sâu đục thân, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Peran 50EC	sâu cuốn lá/lúa; sâu ăn tạp, sâu đục quả/đậu tương; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Lion Agrevo
		PER annong 100EW, 500EC	**100EW:** rệp sáp/cà phê, sâu cuốn lá/lúa **500EC:** bọ xít, sâu cuốn lá/lúa, sâu đục hoa/đậu tương, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Perkill 50EC	sâu xanh/đậu xanh; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Permecide 50EC	sâu khoang/lạc, bọ xít muỗi/điều, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Pernovi 50EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
		Perthrin 50EC	sâu khoang/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, sâu ăn tạp/bông vải; rệp sáp/cà phê; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Đồng Xanh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Pounce 50EC	sâu khoang/lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Terin 50EC	bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá, bọ xít, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tigifast 10EC	sâu khoang/đậu tương, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungperin 50EC	sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh; dòi đục lá/đậu tương; sâu đục ngọn/thuốc lá; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều; sâu đục thân/mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
652	Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l	Checksau TSC 500EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lion Agrevo
653	Permethrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Ferlux 350EC	sâu đục bẹ, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
654	Petroleum spray oil (min 97%)	Citrole 96.3EC	rệp sáp, nhện đỏ/cam; sâu vẽ bùa, rệp muội/quýt	Total Fluides. (France)
		Dầu khoáng DS 98.8EC	nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cây có múi	Công ty CP Đồng Xanh
		DK-Annong Super 909EC	rầy xanh/chè; rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông
		Medopaz 80EC	bọ trĩ/chè; sâu vẽ bùa/cam	Kital Ltd.
		SK Enspray 99EC	nhện đỏ/chè, cam; nhện lông nhung/nhãn, sâu hồng đục quả/bưởi	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vicol 80EC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
655	Phenthoate (Dimephenthoate) (min 92%)	Elsan 50EC	sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy xanh, sâu ăn lá/thuốc lá; rệp/bông vải; sâu đục thân/mía; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Forsan 60EC	sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô	Forward International Ltd
		Phetho 50EC	sâu đục thân/lúa, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Pyenthoate 50EC	sâu đục thân/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Vifel 50EC	sâu xanh/lạc; sâu cuốn lá, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
656	Phosalone (min 93%)	Pyxolone 35EC	bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Saliphos 35EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu keo/ngô, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
657	Pirimicarb (min 95%)	Altis 50WP	rệp muội/thuốc lá	Công ty CP Nicotex
		Ahoado 50WP	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TCT Hà Nội
658	Pirimiphos-methyl (min 88%)	Piripro 550EC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
659	*Plutella xylostella* granulosis virus (PXGV)	Nosivirus No.1SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH Nông Sinh
660	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết *(Gleditschia australis)*, Hy thiêm (*Siegesbeckia orientalis)*, Đơn buốt (*Bidens pilosa)*,	Anisaf SH-01 2SL	rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang/bắp cải, rau cải; sâu xanh, sâu khoang/dưa chuột; sâu khoang, muội đen, rệp đào/thuốc lá, sâu đục cuống quả/vải, rệp sáp/cà phê, hồ tiêu	Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ (ITC)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
	Cúc liên chi dại (*Parthenium hystherophorus)*			
661	Profenofos (min 87%)	Binhfos 50EC	bọ trĩ/lúa; rệp, sâu khoang/bông vải; rệp/ngô	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Callous 500EC	sâu khoang/đậu xanh, sâu đục thân/ngô, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Carina 50EC	sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Cleaver 45EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Naviphos 500EC	sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Nongiaphat 500EC	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Ronado 500EC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Selecron® 500EC	sâu xanh, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, nhện đỏ/bông vải; sâu cuốn lá, rầy xanh/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
662	Profenofos 50g/l + Propargite 150g/l + Pyridaben 150g/l	Ducellone 350EC	nhện đỏ/lạc, nhện gié/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Newdive 350EC	nhện đỏ/lạc, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Liên doanh Nhật Mỹ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
663	Profenofos 450g/l + Thiamethoxam 100g/l	Thipro 550EC	rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
664	Profenofos 100g/l + Thiamethoxam 147g/l	Tik wep 247EC	rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP XNK Thọ Khang
665	Propargite (min 85%)	Atamite 73EC	nhện đỏ/hoa hồng, cam; nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bigmite 73EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		BN-Mite 570EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Comite® 73EC, 570EW	**73EC:** nhện đỏ/chè, cải bẹ xanh, lạc, cam, sắn; nhện gié/lúa **570EW:** nhện gié/lúa; nhện đỏ/chè, cam, lạc, sắn	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Daisy 57EC	nhện đỏ/chè, cam	Công ty CP Nicotex
		Hacomai 57EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Kamai 730EC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Saromite 57EC	nhện đỏ/chè; nhện gié, bọ phấn /lúa, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Superrex 73EC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Topspider 570EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Thành

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
666	Propargite 150g/l + Pyridaben 50g/l	Muteki 200EC	sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
667	Propargite 300g/l + Pyridaben 200g/l	Proben super 500EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
668	Prothiofos (min 95%)	Sheba 50EW	rệp sáp/cà phê, sâu keo mùa thu/ngô	Sinon Corporation
669	Pymetrozine (min 95%)	Bless 500WP	rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Checknp 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Chelsi 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Chess® 50WG	rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ phấn/lúa; bọ trĩ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Cheesapc 500WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
		Cheestar 50WG	rầy nâu/lúa, rầy bông/xoài, rầy xanh/chè	Công ty CP Nicotex
		Chersieu 50WG	rầy nâu, bọ xít dài/lúa, rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Chits 500WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
		Gepa 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		F35 25WP	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Hichespro 500WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Hits 50WG	rầy nâu/lúa, nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/cà phê; rệp muội, bọ phấn/cải xanh	Công ty CP SX TM Bio Vina
		Jette 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Longanchess 70WP, 700WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Map sun 500WP	rầy nâu/lúa	Map Pacific Pte Ltd
		Matoko 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		NB Chestop 50WG	bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Nam Bắc
		Newchestusa 500WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oscare 100WP, 600WG	**600WG:** rầy nâu, bọ trĩ /lúa **100WP:** rệp bông xơ/mía, rầy nâu/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Pylon 50WG	rầy bông/xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Sagometro 50WG	rầu nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Schezgold 500WG	rầy xanh/chè, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Scheccjapane super 750WG	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		TT-osa 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
670	Pymetrozine 40% + Spirotetramat 25%	Pimero 65WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sunwa
671	Pymetrozine 65% + Thiamethoxam 5%	Chery 70WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai
672	Pymetrozine 400g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Tvusa 600WP	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
673	Pymetrozine 300g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Topchets 650WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
674	Pyrethrins (min 20%)	Bopy 14EC	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		Mativex 1.5EW	rệp/bắp cải, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
		Nixatop 3.0CS	rệp muội, sâu tơ, sâu xanh/cải xanh; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Nicotex
675	Pyrethrins 2.5% + Rotenone 0.5%	Biosun 3EW	rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/chè; sâu tơ/bắp cải; bọ nhảy/rau cải; bọ phấn/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
676	Pyridaben (min 95%)	Acarina 250EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Alfamite 150EC, 200WP	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Bipimai 150EC	nhện đỏ/hoa hồng	Côngty TNHH TM Bình Phương
		Coven 200EC	nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
		Dandy 15EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietnhen 150EC	nhện gié/lúa, nhện đỏ /hoa huệ	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
		Koben 15EC	bọ xít muỗi/điều; rệp/bông vải; nhện gié/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Massy 200EC	sâu cuốn lá đầu đen/lạc	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
		Ongtrum 200EC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tifany 150EC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
677	Pyridaben 200g/l + Quinalphos 300g/l	Pyphos-HB 500EC	nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
678	Pyridaben 150g/kg (150g/l) + Sulfur 250g/kg (350g/l)	Pyramite 400WP, 500SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
679	Pyridalyl (min 91%)	Newpyri 100EC	sâu tơ/cải bắp	Công ty CP S New Rice
		Sumipleo 10EC	sâu tơ/bắp cải, sâu keo mùa thu/ngô, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Ω-Dalyn 100SC	sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/cà chua	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
680	Pyridaphenthion (min 95%)	Difitox 200EC	rệp bông xơ/mía	Công ty CP BVTV I TW
681	Pyriproxyfen (min 95%)	Permit 100EC	rệp sáp/cà phê, tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Polafen 11EC	rệp sáp/roi	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Sunlar 110EC	sâu vẽ bùa/cam	Sundat (S) PTe Ltd
682	Pyriproxyfen 50g/l + Quinalphos 250g/l	Assassain 300EC	nhện gié, sâu cuốn lá, bọ phấn trắng/lúa; sâu khoang/lạc, sâu xanh da láng/đậu tương; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
683	Pyriproxyfen 170g/l (350g/kg) + Tolfenpyrad 130g/l (250g/kg)	Bigsun 300EC, 600WP	**300EC:** rầy nâu/lúa **600WP**: rệp sáp/cà phê, rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
684	Quinalphos (min 70%)	Aquinphos 40EC	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Faifos 5GR, 25EC	**5GR:** sâu đục thân/ngô, lúa **25EC:** rệp muội/thuốc lá, sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê, sâu xanh/bông vải, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kinalux 25EC	sâu khoang/lạc; sâu ăn tạp/đậu tương; rệp/cà phê; sâu phao, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu đục ngọn/điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Methink 25EC	sâu phao, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Obamax 25EC	sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê; sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Peryphos 25EC	sâu phao/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Quiafos 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; vòi voi đục nõn/điều; sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
		Quilux 25EC	sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu đục ngọn/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Quintox 25EC	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
685	Quinalphos 230g/l + Thiamethoxam 40g/l	Inikawa 270EC	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
686	Rotenone	Bin 25EC	sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/đậu xanh, rệp muội/hồ tiêu	Công ty CP SAM
		Dibaroten 5WP, 5SL, 5GR	**5WP:** sâu xanh/cải bẹ, dưa chuột **5WP, 5SL, 5GR**: sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Fortenone 5WP	sâu tơ/bắp cải, sâu xanh/đậu tương	Forward International Ltd
		Limater 7.5EC	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh, bọ nhảy, rệp/cải xanh; rệp, nhện đỏ, sâu đục quả/ớt; rệp sáp/bí xanh; nhện đỏ/bí đỏ, hoa hồng; rệp, sâu khoang/thuốc lá; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng, dòi đục lá/đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ/chè; sâu vẽ bùa, rệp sáp, nhện đỏ/cam; bọ xít/nhãn; rệp/xoài; sâu đục quả/vải; rệp sáp/na; sâu ăn lá/cây hồng; sâu róm/ổi	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Newfatoc 75WP, 75SL	sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Rinup 50EC, 50WP	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/súp lơ, lạc, đậu tương; sâu xanh/cà chua; dòi đục lá/dưa chuột; bọ trĩ/dưa hấu; rệp đào/thuốc lá; nhện đỏ/cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu ăn hoa/xoài	Công ty TNHH An Nông
		Trusach 2.5EC	sâu đục quả/đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; sâu tơ/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; bọ nhảy/rau cải; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bắc

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Vironone 2EC	sâu tơ/cải thảo	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
687	Rotenone 5% (5g/l) (5g/l) + Saponin 14.5% (145g/l) (145g/l)	Sitto-nin 15BR, 15EC, 15SL	**15BR:** tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/mía, ốc bươu vàng/lúa **15EC:** tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/mía **15SL:** ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
688	Rotenone 2.5% + Saponin 2.5%	Dibonin 5WP, 5SL, 5GR	**5WP:** bọ nhảy, sâu xanh/cải xanh **5WP, 5SL, 5GR**: sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
689	Rotenone 2g/kg + Saponin 148g/kg	Ritenon 150BR, 150GR	tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/mía	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
690	Saponin	Map lisa 230SL	sâu tơ/bắp cải, sâu xanh bướm trắng/rau cải, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Map Pacific Pte Ltd
691	Saponozit 46% + Saponin acid 32%	TP-Thần Điền 78SL	rệp sáp, rệp vảy xanh, rệp nâu/cà phê, xoài; rệp muội/nhãn, vải; rệp/đậu tương; bọ trĩ/dưa chuột; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Thành Phương
692	Sodium pimaric acid	Dulux 30EW	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nicotex

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
693	Spinetoram (min 86.4%)	Radiant® 60SC	sâu xanh da láng/hành, lạc, đậu tương; dòi đục lá, sâu đục quả, bọ trĩ/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu, nho, xoài; bọ trĩ, dòi đục lá/ớt; sâu vẽ bùa/cây có múi; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ trĩ/hoa hồng, chè; bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Pineram 60SC	sâu cuốn lá đầu đen/lạc, bọ xít lưới/hồ tiêu, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Thor 60SC	sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/cà chua	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
694	Spinetoram 120g/kg + Triflumezopyrim 100g/kg	Hibifen® 220WG	rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
695	Spinosad (min 85%)	Akasa 25SC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu keo/lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/bắp cải; sâu xanh da láng/hành, lạc; dòi đục lá, sâu đục quả/cà chua; sâu khoang/đậu tương; dòi đục quả/ổi; sâu đục quả/xoài	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
		Automex 100EC, 250SC, 250WP	**100EC, 250WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **250SC**: sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Bioarrow 100SC	sâu tơ/cải bắp	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		Daiwansin 25SC	sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Futai

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Efphê 25EC, 250WP	sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty TNHH ADC
		Spicess 28SC	sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH An Nông
		Spincer 480SC	sâu tơ/cải bắp, bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Spinki 25SC	bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu keo lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội/bắp cải; sâu xanh, dòi đục lá, sâu khoang/cà chua; sâu xanh, rệp muội/đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông, rệp vảy/xoài; rệp sáp/thanh long, sầu riêng; bọ trĩ/ớt	Công ty TNHH Phú Nông
		Success 25SC	sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; ruồi đục quả/ổi, xoài	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Sucsad 25SC	sâu xanh da láng/hành	Công ty TNHH Nam Bắc
		Suhamcon 25SC, 25WP	sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp muội, bọ nhảy sọc cong vỏ lạc/bắp cải; rệp muội, bọ nhảy, sâu xanh da láng/hành; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; sâu đục quả, rệp muội/đậu đũa; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		SV-Incomex 5SC	sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Saturn Chemical Việt Nam
		Wish 25SC	sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/bắp cải; sâu xanh, rệp, bọ nhảy/hành	Công ty CP Đồng Xanh

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
696	Spirodiclofen (min 98%)	Brinka 240SC	nhện đỏ/hoa cúc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Etong-nhện 340SC	nhện đỏ/cam	Shanghai E-Tong Chemical Co., Ltd
		Goldmite 240SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		MDSpifendor 340SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Omega-Spidermite 24SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Palman 150EC, 240SC	**150EC:** nhện đỏ/hoa hồng, cam **240SC:** nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Long Hiệp
		Pirotop 240SC	bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Setis 34SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Spiro 240SC	nhện đỏ/quýt	Công ty TNHH TM Tùng Dương
		Spiromax 300SC	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Tvramite 34SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Newfarm Việt Nam
		Yonlock 240SC	nhện đỏ/cam, sanh	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
		Wilson 240SC	nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
697	Spiromesifen (min 97%)	Oberon 240SC	nhện đỏ/cam, ớt	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
698	Spirotetramat (min 96%)	Armata 22.4SC	rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/cam	Beijing Bioseen CropSCiences Co., Ltd.
		Aspiro 150OD	rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Dotramat 150OD	bọ trĩ/xoài	Công ty CP Đồng Xanh
		Faster 150OD	bọ phấn/khoai tây	Công ty TNHH TM và PT Phú Thịnh
		Mario 22.4SC	nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam
		Movento 150OD	rệp muội/bắp cải, vải, dưa hấu; bọ trĩ/chè; rệp sáp/thanh long, nhãn, cà phê, cam, hồ tiêu, xoài, sầu riêng; sâu đục quả, bọ phấn/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả, rệp sáp/bưởi; bọ trĩ, bọ phấn/khoai tây; sâu đục cuống quả/nhãn	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Nicapi 150SC	rệp sáp giả/bưởi	Công ty TNHH ADC
		Ramat 120SC	rệp sáp/cam	Công ty CP Global Farm
		Sentinet 22.4SC	rệp sáp/bưởi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Seroto 224SC	rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóa nông AMC
		Speramet 150OD	rầy chổng cánh/cam	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
699	Spirotetramat 150g/l + Thiamethoxam 150g/l	Tiramat 300SC	rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Gap Agro

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
700	*Spodoptera litura* NPV	Nosivirus No2WG	sâu khoang/khoai lang; sâu xanh da láng/dưa hấu	Công ty TNHH Nông Sinh
701	Sulfoxaflor (min 95%)	Closer® 500WG	rầy nâu/lúa, rệp/bông vải; rệp muội/đậu tương; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; rầy xanh/bông vải; bọ phấn trắng/lúa; rệp muội/ngô; bọ phấn/khoai tây	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
702	Sulfur (min 99%)	Bacca 80WG	nhện đỏ/cam	Công ty CP Hóa chất NN I
		Sul-AC 80WG	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Sul-elong 80WG	nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn King Elong
		Sulfex 80WG	nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Sumitomo Chemical India Limited
		Tramuluxjapane 80WG	nhện đỏ/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
703	Tebufenozide (min 98%)	Adu-feno 200SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH ADU Việt Nam
		Mimic® 20SC	sâu xanh da láng/thuốc lá, lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Racy 20SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Tezimax 200SC	sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH US Agro
		VT-Nozide 200SC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH CNSH Quốc tế Việt Thái
		Xerox 20SC	sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP Nicotex

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
704	Tebufenpyrad 250g/kg (min 98%) + Thiamethoxam 250g/kg	Fist 500WP	rầy nâu, nhện gié/lúa; bọ trĩ/hoa cúc; bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
705	Tetraniliprole (min 90%)	Vayego 200SC	sâu tơ/bắp cải; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu keo mùa thu/ngô; sâu khoang/dưa hấu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
706	Tolfenpyrad (min 95%)	Aoba 15EC	bọ phấn/sắn; rệp muội/ngô	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
707	Thiacloprid (min 95%)	Calypso 240SC	bọ trĩ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Fentinat 48SC	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Hostox 480SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Koto 240SC	sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu tương	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Zukop 480SC	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
708	Thiamethoxam (min 95%)	Actara® 25WG	rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê; rệp/mía; bọ trĩ/điều; rệp/thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amira 25WG	rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Anfaza 250WG, 350SC	**250WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **350SC:** bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Apfara 25WG	rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Asarasuper 500SC, 250WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Dop 25WG	bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Master AG
		Falcon 25WG	bọ trĩ/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Hercule 25WG	bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Fortaras 25WG	rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ/lúa; rệp sáp, sâu đục cành/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Furacol 25WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Impalasuper 25WG	rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Jiathi 25WP	bọ trĩ/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Nofara 35WG, 350SC	**35WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa **350SC:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Ranaxa 25WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Tata 25WG, 355SC	**25WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê **355SC:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thiamax 25WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Thionova 25WG	rầy nâu/lúa; rệp muội, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vithoxam 350SC	rầy nâu/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
709	Thiodicarb (min 96%)	Click 75WP	bọ trĩ, ốc bươu vàng, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu khoang/đậu tương; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Ondosol 750WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Pontiac 800WG	rệp sáp/hồ tiêu	Rotam Asia Pacific Limited
		Supepugin 750WP	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Thio.dx 75WP	sâu đục thân/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
710	Triflumezopyrim (min 94%)	Pexena® 106SC, 20WG	**106SC:** rầy nâu, rầy lưng trắng, rầy nâu nhỏ/lúa **20WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
711	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) (Monosultap) (min 95%)	Acemo 180SL	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Apashuang 10GR, 18SL, 95WP	**10GR:** sâu đục thân/lúa, mía, ngô **18SL, 95WP:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Binhdan 10GR, 18SL, 95WP	**10GR:** sâu đục thân/lúa, mía, ngô **18SL:** rầy nâu, sâu đục thân, bọ trĩ, sâu keo, rầy xanh/lúa; sâu đục thân, rệp/ngô; sâu xanh/đậu tương; sâu đục thân, rệp/mía; rệp sáp/cà phê **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy xanh/lúa; sâu xanh/đậu tương; rầy/bông vải; sâu đục thân/ngô, mía; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Catodan 18SL, 90WP	**18SL:** sâu cuốn lá/lúa **90WP:** sâu cuốn lá/lúa, rệp/đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Colt 95WP, 150SL	**95WP:** sâu phao/lúa **150SL:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH ADC
		Dibadan 18SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp bông xơ mía; rầy/bông vải; rệp/ngô **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/ngô; rầy/bông vải; rệp sáp/cà phê; rệp bông xơ/mía	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Neretox 18SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; châu chấu tre lưng vàng/ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
		Netoxin 90WP	sâu xanh/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sát trùng đơn (Sát trùng đan) 5GR, 18SL, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/lúa **18SL:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu xanh/đậu tương **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Sadavi 18SL, 95WP	**18SL:** bọ xít, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/lúa	Công ty CP DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Sanedan 95WP	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Shaling Shuang 180SL, 950WP	**180SL:** sâu đục thân/lúa **950WP:** sâu đục thân, sâu keo, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sha Chong Jing 95WP	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
		Sha Chong Shuang 18SL, 50SP, 95WP	**18SL, 95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **50SP:** sâu đục thân lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Taginon 18SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tiginon 5GR, 18SL, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/mía, lúa **18SL:** sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê **95WP:** sâu xanh/đậu xanh, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungsong 18SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Tvpyrafos 750WP	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Vietdan 3.6GR, 29SL, 95WP	**3.6GR:** sâu đục thân/lúa **29SL:** bọ trĩ/lúa **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vinetox 5GR, 18SL, 95SP	**5GR, 18SL:** sâu đục thân/lúa **95SP:** rệp sáp/cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vi Tha Dan 18SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, sâu đục thân lúa **95WP:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
712	*Verticillium chlamydosporium* ZK7	NematodieGR	tuyến trùng/cà chua, hồ tiêu	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam

(Xem tiếp Công báo số 1103 + 1104)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng